

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 309/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/11/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Ôn, bà Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị T**, sinh năm 1986
Địa chỉ: Đội 5, Bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Đội 5, Bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 23, phân trại 3, Trại giam Yên Hạ thuộc Tổng cục VIII, Bộ Công an - địa chỉ: xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2018, biên bản ghi lời khai ngày 09/10/2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:

Chị T và anh Lò Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào tháng 01/2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 6 năm, đến năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh do anh H mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, chị T

và gia đình đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh H cai nghiện tại nhà nhưng không thành công, anh H không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng, đến năm 2015 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau; đến năm 2017 anh H vi phạm pháp luật về ma túy nên bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ xử phạt 60 tháng tù; hiện nay anh H đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ - Sơn La. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn, nuôi dạy các con.

Chị T và anh H có hai chung là: Lò Hải D - sinh ngày 21/7/2008 và Lò Thị Bảo A - sinh ngày 31/3/2015, hiện các con đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra anh chị không có con nuôi hợp pháp.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/10/2018 và đơn xin vắng mặt ngày 03/10/2018 bị đơn anh Lò Văn H trình bày:

Anh H và chị T kết hôn năm 2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, lý do chính là anh H nghiện ma túy nên cuộc sống chung không hạnh phúc; anh chị có hai con chung là: Lò Hải D - sinh năm 2008 và Lò Thị Bảo A - sinh năm 2015. Anh H hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị T và giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ; hiện anh H đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 09/10/2018, chính quyền xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Anh Lò Văn H và chị Quàng Thị T sinh sống tại Đội 5 bản L, xã S, huyện Đ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì mâu thuẫn nảy sinh do anh H nghiện ma túy, chính quyền địa phương và gia đình đã hòa giải, anh H cam kết sửa chữa khuyết điểm nhưng vẫn không tiến bộ, sau đó anh H vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại trại giam; anh chị có hai con chưa thành niên. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giao con cho mẹ là chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, chấp hành tốt Điều 48 của BLTTDS; xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và VKS đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 của BLTTDS; điều khiển phiên tòa đảm bảo đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51

BLTTDS. Người tham gia tố tụng: Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

- Về con: Căn cứ Điều 81, 58 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên và có tài sản để tự nuôi mình; chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Quàng Thị T là hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên cần miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Quàng Thị T và anh Lò Văn H là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đang chấp hành án trong trại giam nên quá trình giải quyết Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân:

Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2008 tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh H mắc tệ nạn xã hội nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, anh H đã được gia đình tạo điều kiện cho cai nghiện ma túy nhưng không thành công; chính quyền địa phương đã nhắc nhở, hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không đem lại kết quả; anh chị sống ly thân từ năm 2015; năm 2017 anh H vi phạm pháp luật nên bị xử phạt 06 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ - Sơn La. Chị T xin ly hôn, anh H nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không sống chung với nhau như vậy là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với

anh H là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Lò Hải D - sinh ngày 21/7/2008 và Lò Thị Bảo A - sinh ngày 31/3/2015, hiện các con đang ở với chị T. Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu D, cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng; anh H nhất trí với đề nghị của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H đang chấp hành hình phạt tù không thể trực tiếp chăm sóc con; các con còn nhỏ rất cần sự trông nom, chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của người mẹ; mặt khác chị T có sức khỏe và có thu nhập từ làm ruộng và làm thêm nên có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Ý kiến của chính quyền địa phương đồng thuận với yêu cầu của chị T về việc giao nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Xét về tài sản và công nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn chị Quàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị T là hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí, vì vậy căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d Khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị T.

Chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai con chung Lò Hải D - sinh ngày 21/7/2008 và Lò Thị Bảo A - sinh ngày 31/3/2015 cho chị Quàng Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông

nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Quàng Thị T về việc chưa yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản và công nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Quàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/11/2018). Anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Hoà